

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 208/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30/8/2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Nhanh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Thanh;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 389/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 184/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 152/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Cẩm H, sinh năm 1992, (xin vắng mặt);

HKTT: Số nhà 116, ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ hiện nay: Số nhà 381, ấp T, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Huỳnh Văn L, sinh năm 1993, (vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà 116, ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 10/6/2022, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đặng Thị Cẩm H trình bày:**

Chị và anh Huỳnh Văn L xác lập quan hệ hôn nhân vào ngày 12/7/2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, anh L thường dùng

những lời lẽ nặng nề để chửi mắng, xúc phạm chị. Mặc dù đã nhiều lần chị trao đổi để anh L sửa đổi tính tình, cùng nhau chăm lo cho con chung nhưng vẫn không có kết quả. Đến tháng 5/2020, chị quyết định về nhà mẹ ruột sinh sống và cũng từ thời gian này, chị và anh L sống ly thân nhau. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị xin ly hôn với anh Huỳnh Văn L;
- Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Tuyết Anh, sinh ngày 28/01/2019. Khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc không thể tham gia phiên tòa nên chị H có đơn yêu cầu xin được vắng mặt trong quá trình xét xử.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, đơn khởi kiện, bản tự khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh L vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của đương sự; Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị H có đơn yêu cầu ly hôn với anh L, bị đơn anh L cư trú tại ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là tranh chấp “Xin ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm, anh L vắng mặt lần thứ 2 mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ; đồng thời chị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận, bởi lẽ:

3.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Long Tiên, huyện Cai Lậy cấp giấy chứng nhận kết hôn số 70 vào ngày 12/7/2018, được xem là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào lời khai của chị H thì sau khi kết hôn, chị và anh L chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 5/2020 đến nay. Anh chị không còn quan tâm cuộc sống của nhau nữa, chứng tỏ giữa chị H và anh L đã không còn tình cảm vợ chồng, việc kéo dài hôn nhân sẽ không mang lại hạnh phúc cho cả hai.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau.....”*. Do đó, việc chị H và anh L sống ly thân trong thời gian dài nhưng vẫn không có biện pháp để hàn gắn tình cảm. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa hai người đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh L, mở phiên hòa giải để hàn gắn mâu thuẫn cho các bên nhưng anh L vắng mặt không lý do và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về việc ly hôn, từ đó cho thấy anh L không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị H. Do đó, chị H yêu cầu xin ly hôn với anh L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2. Về con chung: Quá trình chung sống chị H và anh L có 01 con chung tên Huỳnh Tuyết Anh, sinh ngày 28/01/2019. Xét thấy, từ khi chị H và anh L sống ly thân nhau thì cháu T sống với chị H, để tiếp tục ổn định cuộc sống cho cháu T, tránh xáo trộn về mặt tâm lý cho trẻ con, giúp cho cháu Tuyết Anh có được sự phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần. Đồng thời tại văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân và điều kiện nuôi con, chính quyền địa phương ấp T, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp xác nhận chị H có đủ điều kiện để nuôi con. Anh L không có ý kiến phản đối về yêu cầu nuôi con chung của chị H. Vì vậy, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

3.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị H chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

3.4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Cẩm H.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đặng Thị Cẩm H được ly hôn với anh Huỳnh Văn L.

- Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh T, sinh ngày 28/01/2019 cho chị Đặng Thị Cẩm H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Huỳnh Văn L được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền ngăn cản.

- Về cấp dưỡng: Anh L chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị H chưa có yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016382 ngày 27/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên chị H đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9

Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã L, huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Thị Mỹ Nhanh

